



zǒng huì

总会

adverb / noun · always will; inevitably; general meeting

Example Sentences

tài yáng zǒng huì shēng qǐ
太阳总会升起。

The sun will always rise.

bié dān xīn wèn tí zǒng huì jiě jué de
别担心，问题总会解决的。

Don't worry, the problem will eventually be solved.

gōng sī měi nián zhào kāi yī cì yuán gōng zǒng huì
公司每年召开一次员工总会。

The company holds a general staff meeting once a year.

Trace each character, then write the word on your own.

总	总	总	总	总	总	总	总	总	总	总
总										
会	会	会	会	会	会	会	会	会		